

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 18/2024/HS-ST

Ngày: 02-4-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Dương Cao Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ ngày 26/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C; Sinh ngày: 09/5/1990 tại huyện A, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân H và bà Bùi Thị T; Có vợ: Chị Nguyễn Thị T1 và 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (Ngày 30/8/2013 tại Bản án số 236/2013/HSST bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999, tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm 42/2013/HSST của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/02/2020, chưa thi hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 96.200.000 đồng theo Bản án số 236/2013/HSST); Nhân thân: Ngày 19/3/2013 tại Bản án số 42/2013/HSST bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 bộ luật hình sự 1999 (đã chấp hành xong bản án, đã xóa án tích); Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay – *Có mặt*

2. Đặng Ngọc N; Sinh ngày: 09/07/1989 tại huyện A, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ

học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Ngọc K và bà Trần Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay – *Có mặt*

3. Trần Ngọc A; Sinh ngày: 07/3/1990 tại huyện A, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M và bà Đinh Thị T2; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (Ngày 30/8/2013 tại Bản án số 236/2013/HSST bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2020, chưa thi hành phần án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 96.200.000 đồng theo Bản án); Nhân thân: Ngày 07/12/2011 tại Bản án số 181/2011/HSST bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 bộ luật hình sự 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2012 (đã chấp hành xong bản án, đã xóa án tích); Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay – *Có mặt*

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Trường T3; Sinh năm 1962; Trú tại: Số nhà H, ngách A, ngõ B, đường B, tổ dân phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần T9 – *Có mặt*

2. Bà Nguyễn Thị Thu H1; Sinh năm: 1989; Trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do – *Vắng mặt*

3. Công ty TNHH một thành viên N2; Địa chỉ: Khối phố D, T, huyện I, tỉnh Gia Lai; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T4; Sinh năm: 1974; Trú tại: Số E, đường N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Kế toán – *Vắng mặt*

4. Ông Nguyễn Đức T5; Sinh năm: 1988; Nơi: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do – *Vắng mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn M; Sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng – *Có mặt*

2. Ông Nguyễn Xuân H; Sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng - *Vắng mặt*

3. Bà Bùi Thị T, Sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng – *Có mặt*

4. Ông Đặng Ngọc K; Sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng - *Có mặt*

5. Bà Trần Thị L; Sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng - Văng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 6 năm 2023, Nguyễn Văn C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức dùng danh nghĩa các Công ty chuyên về phân phối tôn thép để chiếm đoạt tiền đặt cọc của khách hàng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn C rủ Đặng Ngọc N và Trần Ngọc A cùng tham gia thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì Đặng Ngọc N và Trần Ngọc A đồng ý. Nguyễn Văn C phân công nhiệm vụ như sau: Chỉ sẽ phụ trách mua thông tin doanh nghiệp, thông tin tài khoản ngân hàng và các công cụ phương tiện để lừa đảo, thuê người chạy quảng cáo thông tin trên mạng xã hội, lên mạng tìm kiếm khách hàng và gọi nói chuyện, trao đổi với khách hàng nếu cần; Đặng Ngọc N được C phân công gọi và nghe điện thoại với các bị hại, dùng lời lẽ thuyết phục để bị hại tin tưởng và đồng ý mua sản phẩm tôn thép; Trần Ngọc A được giao nhiệm vụ dùng thẻ ATM đi rút tiền khi bị hại chuyển tiền vào tài khoản. Đến đầu tháng 07/2023, C lên các trang mạng xã hội tìm kiếm và mua từ một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ thông tin của Công ty TNHH một thành viên N2 tôn thép có mã số doanh nghiệp: 4300884903, có trụ sở tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi do Nguyễn Vũ L1 (sinh năm 1983, trú tại thôn Á, xã P, huyện A, tỉnh An Giang) làm Giám đốc cùng với tài khoản ngân hàng M1 số 3838526879, tài khoản Ngân hàng V1 số 139556666, 01 thẻ ATM Ngân hàng V1 mã thẻ 5223841502819185 đều mang tên Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép, tài khoản Ngân hàng A1 số 27601727 mang tên “TRAN VAN TINH”, 01 thẻ ATM của Ngân hàng A1 số thẻ 4221093480176395, điện thoại Samsung Galaxy A04, màu đen gắn sim số 0904072352, có cài ứng dụng M1, đồng thời C mua các công cụ, phương tiện khác gồm sim, điện thoại, thông tin tài khoản ngân hàng của người khác, máy vi tính, USB để chuẩn bị cho việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ ngày 28/7/2023 đến 22/8/2023, Nguyễn Văn C, Đặng Ngọc N và Trần Ngọc A đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 352.557.178 đồng. Số tiền chiếm đoạt trên Nguyễn Văn C trả tiền mua thông tin doanh nghiệp, công cụ, phương tiện và thuê chạy quảng cáo 126.000.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn C hưởng 110.557.178 đồng, Đặng Ngọc N 80.000.000 đồng, Trần Ngọc A 36.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 28/7/2023, do có nhu cầu mua tôn thép để làm công trình xây dựng, ông Nguyễn Trường T3 lên mạng tìm kiếm thông tin về doanh nghiệp phân phối tôn thép. Khi thấy thông tin của Công ty TNHH MTV N2 (mã số doanh nghiệp: 4300884903 có trụ sở tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) do Nguyễn Vũ L1 là Giám đốc, có số điện thoại liên hệ 0904698135 và 0904072352. Ông T3 gọi điện vào số điện thoại 0904698135 để hỏi thông tin sản phẩm thì Đặng Ngọc N nghe máy và tự xưng là Nguyễn Vũ L1 – Giám đốc. Nam giới thiệu về

Công ty cùng các sản phẩm và cung cấp cho ông T3 bảng giá các loại tôn thép. Bảng giá này do C nhờ người đàn ông bán thông tin công ty làm bảng báo giá thép Hòa P với mức giá thấp hơn thị trường. Do thấy mức giá tôn thép thấp hơn giá thị trường nên ông T3 đã đồng ý mua. Đến ngày 31/7/2023, sau khi thỏa thuận thống nhất, ông Tương đồng ý mua 30 tấn tôn thép với giá 438.161.000 đồng. Sau đó, C tiếp tục nhờ người đàn ông bán thông tin giúp soạn thảo hợp đồng rồi gửi qua Zalo cho N gửi cho ông T3. Ngày 01/8/2023, hai bên ký hợp đồng mua tôn thép với tổng số tiền thanh toán là 438.161.000 đồng bằng hình thức SCAN gửi qua tài khoản Zalo, N yêu cầu chuyển trước 60% giá trị đơn hàng, số tiền còn lại thanh toán sau khi nhận hàng. Do tin tưởng hợp đồng đã ký nên ngày 02/8/2023, ông T3 đặt cọc trước số tiền 131.448.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng B đến số tài khoản M1 số 3838526879 của Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép số tiền 131.488.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền từ ông T3, C dùng điện thoại Samsung Galaxy A04, màu đen, gắn sim số 0904072352 đăng nhập vào ứng dụng Internet Banking Ngân hàng M2 chuyển từ tài khoản số 3838526879 sang tài khoản ngân hàng V1 số 139556666 mang tên Công ty TNHH Một thành viên N2 thép số tiền 100.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản ngân hàng A1 số 27601727 mang tên TRAN VAN TINH số tiền 31.000.000 đồng. Sau đó, C nói với Ngọc A cầm thẻ ATM đi đến các cây ATM trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh rút số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản V1 mang tên Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép và 31.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng A1 mang tên TRAN VAN TINH. Sau khi rút tổng số tiền 131.000.000 đồng, C trả chi phí mua thông tin các công ty, chạy quảng cáo và các công cụ, phương tiện hết 74.000.000 đồng, số tiền còn lại Chí chia cho Ngọc A 13.000.000 đồng, chia cho N 22.000.000 đồng, còn lại 22.000.000 đồng Chí tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ hai: Đến ngày 04/8/2023, ông Nguyễn Trường T3 tiếp tục gọi vào số 0904698135 gặp Đặng Ngọc N và nói “Đang cần hàng vào chủ nhật nên đề nghị thanh toán trước 30% tiền đơn hàng nữa và xin nợ số tiền còn lại của đơn hàng, sau 1 đến 2 ngày khi nhận hàng sẽ thanh toán đủ” thì N đồng ý. Sau đó, ông T3 chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng B số 52010000237428 đến số tài khoản M1 số 3838526879 của Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép số tiền 131.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên, C chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng M2 số 3838526879 sang tài khoản ngân hàng V1 số 139556666 mang tên Công ty TNHH Một thành viên N2 thép số tiền 100.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản ngân hàng A1 số 27601727 mang tên TRAN VAN TINH số tiền 31.000.000 đồng. Sau đó, C nói với Ngọc A cầm thẻ ATM đi rút số tiền. Sau khi rút tổng số tiền 131.000.000 đồng, C trả chi phí mua thông tin các công ty, chạy quảng cáo và các công cụ, phương tiện hết 52.000.000 đồng, số tiền còn lại Chí chia cho Ngọc A 13.000.000 đồng, chia cho N 33.000.000 đồng, còn lại 33.000.000 đồng Chí để tiêu xài cá nhân. Sau khi chiếm đoạt được tiền của ông T3, N đã rút sim điện thoại 0904698135, xóa tài khoản Zalo. Sau khi phát hiện bị lừa đảo chiếm đoạt tiền, ông T3 đã đến Công an thành phố H trình báo.

- Lần thứ ba: Vào ngày 15/8/2023, chị Nguyễn Thị Thu H1 do có nhu cầu mua thép nên đã lên mạng tìm kiếm thông tin nhà cung cấp. Chị H1 thấy thông tin Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép có sản phẩm thép nên đã gọi đến số điện thoại 0932761490 được đăng ký trên mạng. Lúc này, N nghe máy và xưng tên là T6, nhân viên Công ty và đề nghị trao đổi với chị H1 qua zalo. Chị H1 kết bạn Z đến số điện thoại 093276490 mang tên “PKDTM” do N sử dụng. Sau khi thỏa thuận giá cả, Chị H1 soạn thảo hợp đồng mua bán giữa hai bên để đặt mua sản phẩm thép với tổng giá trị 10.992.275 đồng. Do tin tưởng nên chị H1 chuyển từ tài khoản Ngân hàng M1 số 000161478753 mang tên Nguyễn Thị Thu H1 đến tài khoản M1 số 3838526879 mang tên Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép số tiền 2.000.000 đồng để đặt cọc trước. Sau đó, do thấy địa chỉ Công ty TNHH MTV N2 không đúng với địa chỉ đăng ký mã số thuế nên chị H1 nghi ngờ Công ty này lừa đảo và yêu cầu N trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó N đã chặn liên lạc và không trả số tiền trên cho chị H1.

- Lần thứ tư: Vào ngày 15/8/2023, anh Nguyễn Minh T4 là nhân viên kế toán của Công ty TNHH MTV N2 có trụ sở tại khối D, thị trấn I, huyện I, Gia Lai. Do công ty có nhu cầu mua thép để làm công trình nên anh T4 đã lên các trang mạng để tìm doanh nghiệp bán thép. Thấy thông tin Công ty TNHH Một thành viên N2 tôn thép có bán sản phẩm thép cần mua nên anh T4 dùng số điện thoại cá nhân số 0988277988 gọi điện theo số điện thoại đăng ký trên mạng 0904072352 để hỏi giá thép. Lúc này, N nghe máy và xưng là nhân viên phòng kinh doanh công ty. Quá trình trao đổi qua điện thoại thì anh T4 nói cần mua Ống thép mạ kẽm phi 200 dày 6,35mm và Ô thép đen phi 200 dày 6,35mm. Sau khi thống nhất giá và tính ra tổng số tiền thép là 106.645.296 đồng thì C gửi hợp đồng sang zalo tên “PKDTM” của N rồi N gửi đến zalo của anh T4. N yêu cầu đặt cọc trước 50% giá trị đơn hàng tương ứng số tiền 53.322.678 đồng. Đến ngày 16/8/2023, được sự đồng ý của Công ty, anh T4 chuyển khoản số tiền 53.322.678 đồng từ tài khoản MBBank số 1972179179179 mang tên Công ty TNHH MTV N2 đến tài khoản M1 số 3838526879 mang tên Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép để đặt cọc. Sau khi nhận được tiền do anh T4 chuyển thì N gọi điện thoại giả vờ nói với anh T4 do báo giá thép quá thấp nên không đủ để thanh toán cho nhà máy và nói anh T4 gọi vào số điện thoại 0901689647 để trao đổi với kế toán công ty. Khi anh T4 gọi vào số điện thoại trên thì N cầm máy và giả xưng là kế toán công ty. N nói với anh T4 do không cập nhật giá thép nên đã báo giá cho anh T4 thấp hơn thực tế và yêu cầu anh T4 chuyển đủ 100% giá trị đơn hàng thì anh T4 nói gửi hàng vào ngày 18/8/2023 tới địa chỉ công trình xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum sẽ chuyển đủ tiền theo đơn giá đã thay đổi. Tuy nhiên sau đó N đã chặn liên lạc với anh T4, chiếm đoạt số tiền trên. Sau đó, C chuyển từ tài khoản M1 số 3838526879 số tiền 2.000.000 đồng chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu H1 và 53.000.000 đồng chiếm đoạt của công ty N2 sang tài khoản Ngân hàng V1 số 139556666 và bảo Ngọc A đi rút tiền. Ngọc A rút tiền mặt 55.000.000 đồng về đưa cho C. C chia cho Ngọc A 5.000.000 đồng, chia cho N 25.000.000 đồng, C hưởng 25.000.000 đồng. Số tiền trên Chí, N, Ngọc A đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ năm: Vào ngày 22/8/2023, anh Nguyễn Đức T5 do có nhu cầu mua thép nhân hiệu Hòa Phát để xây nhà cho khách ở thành phố Đà Nẵng nên đã lên mạng tìm kiếm thông tin doanh nghiệp bán tôn thép. Anh T5 thấy thông tin Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép có sản phẩm thép mà anh T5 cần mua nên anh T5 gọi điện thoại đến số 0904072352 theo thông tin Công ty để hỏi giá thép. Lúc này N nghe máy và đề nghị kết bạn zalo để trao đổi, thỏa thuận với anh T5. N sử dụng zalo số 093276490 kết bạn với zalo số 0975102379 của anh T5. Sau khi thỏa thuận về giá cả, nhận thấy giá thép của Công ty TNHH MTV N2 tôn thép rẻ hơn thị trường nên anh T5 đồng ý mua. Anh T5 đặt mua thép nhân hiệu Hòa Phát với tổng trị giá 69.573.000 đồng. N yêu cầu đặt cọc 50% đơn hàng nên anh T5 đã dùng tài khoản Ngân hàng S số 0975102379 mang tên Nguyễn Đức T5 chuyển số tiền 34.786.500 đồng đến tài khoản ngân hàng M2 số 3838526879 mang tên Công ty TNHH MTN2 phân phối tôn thép. Sau đó N đề nghị chuyển 100% giá trị đơn hàng nhưng anh T5 không đồng ý. Sau đó N đã chặn liên lạc với anh T5. Sau khi chiếm đoạt số tiền của anh T5, Chí chuyển từ tài khoản M1 số 3838526879 số tiền 35.000.000 đồng sang tài khoản Ngân hàng V1 số 139556666 và bảo Ngọc A đi rút tiền. Số tiền trên, Chí chia cho Ngọc A 5.000.000 đồng, Chí giữ 30.000.000 đồng, chưa chia tiền cho N.

- Vật chứng vụ án:

Thu giữ tại Nguyễn Văn C: 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu DELL, 01 USB màu xanh nhãn hiệu APACER, 03 USB TOKEN; 01 CCCD mang tên Bàn Thị H2 số 038196002594, 01 CCCD mang tên Võ Thị Cẩm V; 15 sim điện thoại di động các loại, 19 thẻ cào điện thoại các loại; 01 ví da màu nâu, Tiền Việt N1 Đồng số tiền 45.000.000 đồng; 16 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 351890413877886 có gắn sim số 0904072352, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 353200113889264, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 358979090498265, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 3573322564223911 có gắn 02 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S21 Utral màu đen số IMEI 354505625122122, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 11Pro màu đen có số IMEI 86445105143904, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 353263217254496, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 353263214671031, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu hồng có số IMEI 353263214939123, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu xanh có số IMEI 353263217542759, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh có số IMEI 353263217498051, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu hồng có số IMEI 351890412220187; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh có số IMEI 351890412607003, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 màu đen có số IMEI 354650133659643, 01 điện thoại di động màu tím chưa rõ nhãn hiệu, 01 điện thoại di động màu xanh chưa rõ nhãn hiệu; 01 thẻ ATM ngân hàng V2 số 4524041860831638, 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 9704320858411012, 01 thẻ

ATM ngân hàng S số 5174160001632687, 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 5213778868201420 đều mang tên Nguyễn Văn C, 01 thẻ ATM ngân hàng số 4229260001117149 bề mặt có in chữ “NGUYEN THI THUY” “CTY PP THEP CTT”; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe số 37000560, 01 thẻ CCCD tất cả đều mang tên Nguyễn Văn C; 01 giấy phép lái xe số 400147039745, 01 giấy CMND mang tên ‘Phan Sỹ T7’; 01 đôi dép màu vàng; 01 túi đeo chéo màu đen kích thước 40cm x 20cm x 10cm, bên trong túi có 01 áo kẻ sọc màu nâu; 01 Thẻ ATM Ngân hàng A2 số thẻ 9704050779324925; 01 Thẻ ATM Ngân hàng M1 số thẻ 4089041077980349; 01 Thẻ ATM Ngân hàng M1 số thẻ 3564193249871026; 01 Thẻ ATM Ngân hàng S số thẻ 4221510517308865, tất cả đều mang tên Đặng Ngọc N.

Thu giữ tại Đặng Ngọc N: 01 ví da màu đen, Tiền Việt N1 Đồng số tiền 4.860.000 đồng; 01 CCCD mang tên Đặng Ngọc N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX màu xanh số IMEI 353898104144183.

Thu giữ tại Trần Ngọc A: 01 thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh có in chữ “TRAN VAN TINH” có số thẻ 4221093480176395 có số tài khoản 27601727; 01 thẻ ATM ngân hàng V1 màu xanh có in chữ “NGUYEN VU LINH” số thẻ 5223841502819185; 01 ví da màu đen, Tiền Việt N1 Đồng số tiền 30.100.000 đồng; 01 CMND số 186716757 mang tên Trần Ngọc A, 01 thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh có in chữ “THACH CAM” số thẻ 9704162471070852 số tài khoản 27283747, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14 có số IMEI 3573685824682293.

Thu giữ và trả lại cho anh Phan Sỹ T7 (sinh năm 1990, trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 11 màu xanh số IMEI 866966065822186; 01 ví da màu nâu, Tiền Việt N1 Đồng số tiền 2.820.000 đồng, 01 giấy phép lái xe hạng C số 790162014013 và 01 giấy phép lái xe hạng FC số 790162014103 đều mang tên Phan Sỹ T7.

Đối với những vật chứng còn lại được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh để xử lý theo quy định pháp luật.

- Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Văn C đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Nguyễn Trường T3 số tiền 242.448.000 đồng, Đặng Ngọc N tác động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Trường T3 số tiền 20.000.000 đồng, ông T3 không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với bị hại chị Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; Đại diện bị hại Công ty TNHH MTV N2 ông Nguyễn Minh T4 yêu cầu bồi thường số tiền 53.322.678 đồng; bị hại anh Nguyễn Đức T5 yêu cầu bồi thường 34.786.500 đồng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-TPHT ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Chí, Đặng Ngọc Nam, Trần Ngọc A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3

Điều 174; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023, Trần Ngọc A từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Ngọc N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023; Hình phạt bổ sung: Không. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tranh luận, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Từ ngày 28/7/2023 đến 22/8/2023, trên địa bàn thành phố H và địa bàn các tỉnh Hà Nam, Gia Lai, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Văn C, Đặng Ngọc N và Trần Ngọc A đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Trường T3 với số tiền 262.448.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu H1 2.000.000 đồng, Công ty N2 số tiền 53.322.678 đồng, anh Nguyễn Đức T5 34.786.500 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 352.557.200 đồng. Trong đó Nguyễn Văn C thu lợi bất chính số tiền 110.557.178 đồng, Đặng Ngọc N 80.000.000 đồng, Trần Ngọc A 36.000.000 đồng. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tổng số tiền chiếm đoạt là 352.557.200 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000đ đến dưới 500.000.000đ*” quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn.

Đây là vụ án phạm tội có tổ chức, trong đó Nguyễn Văn C là người khởi xướng, tổ chức, điều hành và trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên giữ vai trò chính, Đặng Ngọc N trực tiếp giao dịch lừa đảo các bị hại nên giữ vai trò thứ 2, Trần Ngọc A giữ vai trò đồng phạm. Các bị cáo đều “phạm tội từ 02 lần trở lên”, “Phạm tội có tổ chức”, Nguyễn Văn C và Trần Ngọc A “Tái phạm nguy hiểm” là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo”, “tự nguyện bồi thường thiệt hại” và bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Trường T3 đã được Nguyễn Văn C tác động gia đình bồi thường số tiền 242.448.000 đồng, Đặng Ngọc N tác động gia đình bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng ông T3 đã nhận đủ số tiền 262.448.000 đồng; Bị hại anh Nguyễn Đức T5 đã được Trần Ngọc A tác động gia đình bồi thường số tiền 34.786.500 đồng; Ông T3 và anh T5 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét. Công ty TNHH MTV N2 đã được Trần Ngọc A tác động gia đình bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, Công ty TNHH MTV N2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại 38.322.678 đồng. Bị hại chị Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo N đã tác động gia đình nộp vào Chi cục thi hành án thành phố Hà Tĩnh số tiền 40.323.000 đồng để bồi thường cho chị H1 số tiền 2.000.000 đồng và Công ty TNHH MTV N2 số tiền 38.323.000 đồng. Bị cáo C yêu cầu bị cáo N và Anh trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại vượt quá kỷ phần của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng: tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 352.557.200 đồng, căn cứ mức độ lỗi và số tiền được hưởng lợi của từng bị cáo, chia kỹ phần các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại như sau: Chị phải bồi thường số tiền 173.557.178 đồng, N phải bồi thường số tiền 117.800.000 đồng, Anh phải bồi thường số tiền 61.200.000 đồng. C đã bồi thường số tiền 242.448.000 đồng, N đã bồi thường số tiền 60.323.000 đồng, A đã bồi thường số tiền 49.786.000 đồng. N chấp nhận trả lại cho C số tiền 57.477.000 đồng, Anh chấp nhận trả lại cho C số tiền 11.413.000 đồng (trừ vào số tiền thu giữ của các bị cáo trong quá trình điều tra).

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước (nếu có giá trị sử dụng) và tịch thu tiêu hủy (không có giá trị sử dụng) gồm:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm: 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu DELL, 01 USB màu xanh nhãn hiệu APACER, 03 USB TOKEN; 19 thẻ cào điện thoại các loại; 16 điện thoại các loại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 351890413877886, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 353200113889264, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 358979090498265, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 3573322564223911 có gắn 02 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 11Pro màu đen có số IMEI 86445105143904, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 353263217254496, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 353263214671031, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu hồng có số IMEI 353263214939123, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu xanh có số IMEI 353263217542759, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh có số IMEI 353263217498051, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu hồng có số IMEI 351890412220187; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh có số IMEI 351890412607003, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 màu đen có số IMEI 354650133659643, 01 điện thoại di động màu tím chưa rõ nhãn hiệu, 01 điện thoại di động màu xanh chưa rõ nhãn hiệu.

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 đôi dép màu vàng; 01 túi đeo chéo màu đen kích thước 40cm x 20cm x 10cm, bên trong túi có 01 áo kẻ sọc màu nâu thu giữ tại Nguyễn Văn C; 15 sim điện thoại di động các loại; các thẻ sim: 0904072352; 01 CCCD mang tên Bàn Thị H2 số 038196002594, 01 CCCD mang tên Võ Thị Cẩm V; 01 thẻ ATM ngân hàng ACB màu xanh có in chữ “TRAN VAN TINH” có số thẻ 4221093480176395 có số tài khoản 27601727; 01 thẻ ATM ngân hàng V1 màu xanh có in chữ “NGUYEN VU LINH” số thẻ 5223841502819185, 01 thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh có in chữ “THACH CAM” số thẻ 9704162471070852 số tài khoản 27283747

- Trả lại cho các bị cáo tài sản, đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 thẻ ATM ngân hàng V2 số 4524041860831638, 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 9704320858411012, 01 thẻ ATM ngân hàng S số 5174160001632687, 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 5213778868201420 đều mang tên Nguyễn Văn C, 01 thẻ ATM ngân hàng số 4229260001117149 bề mặt có in chữ “NGUYEN THI THUY”, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe số 37000560, 01 thẻ CCCD tất cả đều mang tên Nguyễn Văn C, 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S21 Utral màu đen số IMEI 354505625122122.

+ Trả lại cho bị cáo Đặng Ngọc N 01 ví da màu đen, 01 CCCD mang tên Đặng Ngọc N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX màu xanh số IMEI 353898104144183, 01 Thẻ ATM Ngân hàng A2 số thẻ 9704050779324925; 01 Thẻ ATM Ngân hàng M1 số thẻ 4089041077980349; 01

Thẻ ATM Ngân hàng M1 số thẻ 3564193249871026; 01 Thẻ ATM Ngân hàng S số thẻ 4221510517308865, tất cả đều mang tên Đặng Ngọc N.

+ Trả lại cho Trần Ngọc A 01 ví da màu đen, 01 CMND số 186716757 mang tên Trần Ngọc A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14 có số IMEI 3573685824682293.

+ Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo, trừ đi số tiền phải bồi thường còn lại trả lại cho các bị cáo.

- Đối với các tài khoản ngân hàng đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh ra lệnh phong tỏa, xét đây là phương tiện phạm tội, việc các bị cáo mua các tài khoản này sử dụng là vi phạm quy định về việc mở, quản lý và sử dụng tài khoản ngân hàng. Vì vậy, cần hủy bỏ lệnh phong tỏa theo quy định của pháp luật và tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền còn dư trong các tài khoản.

[7] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án là phù hợp.

[8] Quá trình phạm tội, các bị cáo sử dụng thông tin Công ty TNHH MTV N2 tôn thép do Nguyễn Vũ L1 (sinh năm 1983, trú tại thôn Á, xã P, huyện A, tỉnh An Giang) làm đại diện, sử dụng tài khoản ngân hàng A1 số 27601727 mang tên Trần Văn T8 (sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội). Tuy nhiên, quá trình xác minh hiện Nguyễn Vũ L1 và Trần Văn T8 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp. Theo lời khai của Nguyễn Văn C đặt mua thông tin Công ty TNHH MTV N2, thuê người chạy quảng cáo trên các mạng xã hội và mua các công cụ, phương tiện khác của những người không quen biết, thông tin không đầy đủ nên không có căn cứ để điều tra làm rõ. Đối với anh Phan Sỹ T7 có mặt tại thời điểm Nguyễn Văn C, Đặng Ngọc N, Trần Ngọc A bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quá trình điều tra xác định, Phan Sỹ T7 không tham gia và không biết về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo thực hiện nên Cơ quan điều tra không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo N còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chưa bồi thường xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Đặng Ngọc N, Trần Ngọc A phạm tội ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”***.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm a, g, h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 25/8/2023;

- Bị cáo Trần Ngọc A 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 25/8/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm a, g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc N 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 25/8/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đặng Ngọc N bồi thường cho các bị hại: chị Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 2.000.000 đồng, Công ty TNHH một thành viên N2 số tiền 38.323.000 đồng (được trừ vào số tiền 40.323.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh theo Biên lai thu tiền số 0001677 ngày 02/4/2024). Đặng Ngọc N phải trả cho Nguyễn Văn C số tiền 57.477.000 đồng, được trừ số tiền 4.860.000 đồng thu giữ của Đặng Ngọc N, N còn phải trả cho C số tiền 52.617.000 đồng; Trần Ngọc A phải trả cho Nguyễn Văn C số tiền 11.413.000 đồng, được trừ vào số tiền 30.100.000 đồng thu giữ của Trần Ngọc A tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu DELL, 01 USB màu xanh nhãn hiệu APACER, 03 USB TOKEN đã qua sử dụng, 19 thẻ cào điện thoại các loại; 15 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 351890413877886, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 353200113889264, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 358979090498265, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 3573322564223911, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 11Pro màu đen có số IMEI 86445105143904, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 353263217254496, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen có số IMEI 353263214671031, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu hồng có số IMEI 353263214939123, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu xanh có số IMEI 353263217542759, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh có số IMEI 353263217498051, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu hồng có số IMEI 351890412220187; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh có số IMEI 351890412607003, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 màu đen có số IMEI 354650133659643, 01 điện thoại di động màu tím chưa rõ nhãn hiệu, 01 điện thoại di động màu xanh chưa rõ nhãn hiệu.

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 đôi dép màu vàng phần đế màu ghi; 01 túi đeo chéo màu đen kích thước 40cm x 20cm x 10cm bên trong túi có 01 áo kẻ sọc màu nâu thu giữ tại Nguyễn Văn C, 18 sim điện thoại di động, 01 CCCD mang tên Bàn Thị H2 số 038196002594, 01 CCCD mang tên Võ Thị Cẩm V số 080196000303, 01 thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh có in chữ “TRAN VAN TINH” có số thẻ 4221093480176395 có số tài khoản 27601727; 01 thẻ ATM ngân hàng V1 màu

xanh có in chữ “NGUYEN VU LINH” số thẻ 5223841502819185, 01 thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh có in chữ “THACH CAM” số thẻ 9704162471070852 số tài khoản 27283747.

- Trả lại cho các bị cáo tài sản, đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C: 01 thẻ ATM ngân hàng V2 số 4524041860831638, 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 9704320858411012, 01 thẻ ATM ngân hàng S số 5174160001632687, 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 5213778868201420 đều mang tên Nguyễn Văn C, 01 thẻ ATM ngân hàng số 4229260001117149 bề mặt có in chữ “NGUYEN THI THUY”, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe số 37000560, 01 thẻ CCCD tất cả đều mang tên Nguyễn Văn C, 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S21 Utral màu đen số IMEI 354505625122122, số tiền 61.273.000 đồng (nhưng tiếp tục tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án).

+ Trả lại cho bị cáo Đặng Ngọc N 01 ví da màu đen, 01 CCCD mang tên Đặng Ngọc N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX màu xanh số IMEI 353898104144183, 01 Thẻ ATM Ngân hàng A2 số thẻ 9704050779324925; 01 Thẻ ATM Ngân hàng M1 số thẻ 4089041077980349; 01 Thẻ ATM Ngân hàng M1 số thẻ 3564193249871026; 01 Thẻ ATM Ngân hàng S số thẻ 4221510517308865, tất cả đều mang tên Đặng Ngọc N.

+ Trả lại cho Trần Ngọc A 01 ví da màu đen, 01 CMND số 186716757 mang tên Trần Ngọc A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14 có số IMEI 3573685824682293, số tiền 18.687.000 đồng (nhưng tiếp tục tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án).

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, tịch thu số tiền có trong tài khoản và yêu cầu các ngân hàng thực hiện việc đóng tài khoản đối với các tài khoản mà các bị cáo đã mua bán thông tin gồm:

- Tài khoản số 3838526879, chủ tài khoản: Công ty TNHH một thành viên N2 tôn thép, mở tại Ngân hàng TMCP Q, số dư tại thời điểm phong tỏa 1.432.188 đồng, Lệnh phong tỏa tài khoản số 179/LPT-CSĐT ngày 28/11/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H;

- Tài khoản số 139556666, chủ tài khoản: Công ty TNHH một thành viên N2 tôn thép, mở tại Ngân hàng T10, số dư tại thời điểm phong tỏa 1.709.181 đồng, Lệnh phong tỏa tài khoản số 178/LPT-CSĐT ngày 28/11/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H;

- Tài khoản số 27601727, chủ tài khoản: Trần Văn T8, mở tại Ngân hàng TMCP Á, số dư tại thời điểm phong tỏa 443.216 đồng, Lệnh phong tỏa tài khoản số 180/LPT-CSĐT ngày 28/11/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a, c, f, g khoản 1 điều 23, khoản 1, 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Ngọc A mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; buộc Đặng Ngọc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.630.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam; THAPT;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền